

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13-7-2021

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Lành

Bà Đặng Thị Hoàng Anh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Kim Ni – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Trúc Lâm– Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2020 về: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Lê Thị D; cư trú tại: tổ A, ấp M, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

**- Bị đơn:** Anh Li Sheng K; cư trú tại: số B, ngõ M, làng C, thị trấn Đ, thành phố L, tỉnh P, Trung Quốc.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện 03/3/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày: Qua mai mối, chị và anh Li Sheng K kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Trung Quốc. Sau khi kết hôn chị sang Trung Quốc chung sống với anh Li Sheng K. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh Li Sheng K có tính bảo thủ và gia trưởng, không tôn trọng chị, không quan tâm chăm sóc chị khi chị bị ốm đau. Vì vậy vợ chồng thường hay cự cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đến ngày 17/01/2020 chị về Việt Nam chung sống với cha mẹ ruột cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu ly hôn với anh Li Sheng K.

Về con chung: Chị và anh Li Sheng K có một con chung tên Lý Huy H, sinh ngày 26/6/2013, hiện đang sống với anh Li Sheng K tại Trung Quốc. Khi ly hôn, chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn chị Lê Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Li Sheng K là bị đơn được Tòa án tiến hành ủy thác tư pháp theo quy định để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc chị D ly hôn với anh, trong đó, ấn định ngày mở phiên họp hòa giải, ngày mở phiên tòa. Tuy nhiên, anh Li Sheng K không có mặt để tham dự phiên tòa. Vì vậy, Tòa án giải quyết vắng mặt đối với chị Lê Thị D và anh Li Sheng K theo quy định tại Điều 227, Điều 238 và Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

[2] Xét chị Lê Thị D và anh Li Sheng K kết hôn vào năm 2012 có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Trung Quốc nên đây là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài theo quy định tại khoản 25 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tại điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định việc ly hôn mà nguyên đơn hoặc bị đơn là công dân Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam. Anh Li Sheng K là bị đơn có quốc tịch Trung Quốc, tại thời điểm thụ lý vụ án, đang cư trú tại Trung Quốc, căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào khoản 2 Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn này được áp dụng pháp luật Việt Nam giải quyết.

[3] Nhận thấy chị Lê Thị D và anh Li Sheng K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Trung Quốc vào ngày 03 tháng 5 năm 2012 nhưng chưa thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam theo quy định tại Điều 48 và Điều 50 của Luật Hộ tịch và theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều về biện pháp thi hành luật hộ tịch. Như vậy, căn cứ khoản 1 Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi

hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì quan hệ giữa chị Lê Thị D và anh Li Sheng K không được công nhận là vợ chồng.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: chị Lê Thị D không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Lê Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Tại phiên Tòa vị Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị: Không công nhận chị Lê Thị D và Li Sheng K là vợ chồng. Nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, áp dụng đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị D và anh Li Sheng K là vợ chồng.

2. Án phí: Chị Lê Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số 2646 ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết chị Lê Thị D được quyền kháng cáo. Anh Li Sheng K được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b
- CATANDTVL: 01b;
- THADSTVL: 02b;
- Đ/sự: 02b;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án: 04b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hữu Tuấn**